

# Pronoun "You" Informal

# 代词"你"非正式





The verb	

动词

### **Near Future Tense**

近期将来时 (jìnqī jiānglái shí)



# **Present Continuous Tense**

现在进行时 (xiànzài jìnxíng shí)
Present Tense
现在时 (xiànzài shí)



#### Past Tense

过去时 (guòqù shí)	
Negation 否定 (fǒudìng)	